

THÔNG TƯ

Quy định về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số nội dung về trình tự, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý kết hợp thu hồi sản phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm.

Điều 3. Công bố danh mục dự án được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi và đánh giá sơ bộ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, cơ quan phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tổ chức đăng tải danh mục dự án, công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, làm cơ sở xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

2. Nội dung công bố thông tin dự án

a) Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư; yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; địa điểm thực hiện dự án;

b) Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (nếu có);

c) Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

đ) Nơi nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: nộp trực tiếp tại cơ quan phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại liên hệ nếu cần thiết); trường hợp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện được việc nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thì nộp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

e) Các thông tin khác (nếu cần thiết).

3. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm:

a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án;

b) Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

c) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

5. Hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, cơ quan phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo các nội dung công bố thông tin dự án quy định tại khoản 2 Điều này và sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư. Nhà đầu tư đáp ứng các nội dung này được tham gia quy trình lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 4 Thông tư này.

6. Căn cứ kết quả đánh giá quy định tại khoản 5 Điều này, cơ quan phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án quyết định việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng



nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

Điều 4. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi, bao gồm:

- a) Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư;
- b) Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;
- c) Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật; thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
- d) Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;
- đ) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- e) Đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

2. Trường hợp có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định sau:

a) Cơ quan phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án tổ chức lập hồ sơ yêu cầu. Nội dung hồ sơ yêu cầu được xây dựng trên cơ sở chỉnh sửa mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT) và phải bao gồm các phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính - thương mại quy định tại Thông tư này;

b) Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu;

c) Tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư. Trong quá trình đánh giá, cơ quan phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có thể mời nhà đầu tư đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất;

d) Nhà đầu tư được chấp thuận khi đáp ứng đủ các điều kiện, gồm: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại.

3. Các công tác quy định tại điểm a, b, đ, e khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu. Các công tác quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

a) Nội dung hồ sơ mời thầu được xây dựng trên cơ sở chỉnh sửa mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục III và IV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT;

b) Hồ sơ mời thầu được chỉnh sửa trên cơ sở mẫu hồ sơ mời thầu phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, quy định pháp luật liên quan và quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

a) Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư này, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được cập nhật hoặc bổ sung (nếu cần thiết);

b) Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu.

3. Đánh giá về kỹ thuật

Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá chi tiết về kỹ thuật. Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu như sau:

a) Phương pháp đánh giá: việc đánh giá về kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm ___ [quy định là 100 hoặc 1.000] trong đó mức tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là ___ % tổng số điểm [quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 70%] và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu (kỹ thuật; quản lý dự án; tiến độ thi công, thời gian thực hiện dự án; thu hồi sản phẩm nạo vét, môi trường và an toàn) là ___ % điểm tối đa của nội dung đó [quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 60%];

b) Tiêu chuẩn đánh giá: căn cứ quy mô, tính chất của dự án, bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:

- Yêu cầu về kỹ thuật: yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ thực hiện dự án; yêu cầu về thiết bị thi công dự án thuộc sở hữu của nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư liên danh tối thiểu bằng 20% số lượng thiết bị thi công của dự án; yêu

cầu về nhân sự thực hiện dự án; yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công công trình.

- Yêu cầu về tổ chức quản lý dự án: phương thức tổ chức quản lý dự án; phương thức giám sát dự án; phương thức phối hợp trong quá trình thực hiện dự án;

- Yêu cầu về tiến độ thi công, thời gian thực hiện dự án;

- Yêu cầu về thu hồi sản phẩm nạo vét: phương án sử dụng sản phẩm thu hồi; phương án xử lý chất nạo vét không thu hồi; phương án tập kết chất nạo vét (nếu có);

- Yêu cầu về môi trường và an toàn: phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và phương án đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thực hiện dự án;

- Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với từng dự án cụ thể.

4. Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì được xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại. Việc thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu theo hình thức đối tác công tư).

Điều 6. Đánh giá hồ sơ về tài chính - thương mại

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu theo hình thức đối tác công tư).

2. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá

a) Sử dụng phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước;

b) Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch: do bên mời thầu quy định cụ thể tại hồ sơ mời thầu;

c) Theo quy định tại hồ sơ mời thầu, trường hợp kinh phí nạo vét của dự án nhỏ hơn hoặc bằng giá trị sản phẩm thu hồi thì nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu khi có đề xuất giá trị phần chênh lệch giữa kinh phí nạo vét và giá trị sản phẩm thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước bằng tiền (ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành) tại hồ sơ dự thầu là cao nhất và giá trị đề xuất sản phẩm thu hồi không thấp hơn giá trị sản phẩm thu hồi quy định tại hồ sơ mời thầu;



d) Theo quy định tại hồ sơ mời thầu, trường hợp kinh phí nạo vét của dự án lớn hơn giá trị sản phẩm thu hồi thì nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu khi có đề xuất giá trị phân chênh lệch giữa kinh phí nạo vét của dự án và giá trị sản phẩm thu hồi (ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành) tại hồ sơ dự thầu là thấp nhất và giá trị đề xuất sản phẩm thu hồi không thấp hơn giá trị sản phẩm thu hồi quy định tại hồ sơ mời thầu;

đ) Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại, tất cả nhà đầu tư được đánh giá tốt ngang nhau, nhà đầu tư có điểm kỹ thuật cao nhất được đề nghị trúng thầu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2021.
2. Nhà đầu tư thực hiện dự án đã được lựa chọn trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải lựa chọn lại nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này.
3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Các Sở Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGTVT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Stt	Nội dung	Yêu cầu
I	Năng lực tài chính ⁽¹⁾	
1	Vốn chủ sở hữu ⁽²⁾	<p>Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: ____ [ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư dự án. Trong đó tổng mức đầu tư dự án được xác định bằng tổng chi phí thực hiện dự án gồm chi phí chuẩn bị đầu tư, kinh phí nạo vét, thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, chi phí khác liên quan đến dự án]</p> <p>Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.</p> <p>Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.</p>
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp ⁽³⁾	<p>Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: ____ [ghi giá trị bằng số và bằng chữ].</p> <p>Trường hợp liên danh, tiêu chí này được đánh giá theo tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.</p>
3	Giá trị tài sản ròng ⁽⁴⁾	<p>Giá trị tài sản ròng: ____ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu] phải dương.</p> <p>Trường hợp liên danh, tiêu chí này được đánh giá theo giá trị ròng của từng thành viên trong liên danh.</p>
4	Doanh thu bình quân hàng năm ⁽⁵⁾	<p>Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu bằng ____ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 1,5% - 02% tổng mức đầu tư của dự án đang xét] trong ____ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu].</p>

		Trường hợp liên danh, tiêu chí này được xác định bằng tổng doanh thu bình quân hàng năm của các thành viên liên danh.
II	Kinh nghiệm	<p>Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: ___ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu]. Cách xác định dự án như sau⁽⁶⁾:</p> <p>- Loại 1: Dự án nạo vét nhà đầu tư đã tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>+ Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng ⁽⁷⁾ ___ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]</p> <p>+ Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng⁽⁸⁾ ___ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].</p> <p>+ Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong ___ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu].</p> <p>- Loại 2: Dự án nạo vét nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính thực hiện các gói thầu thi công nạo vét và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>+ Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽⁹⁾ ___ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</p> <p>+ Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong ___ năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu].</p> <p>Kinh nghiệm của nhà đầu tư bằng tổng số dự án của nhà đầu tư/thành viên liên danh đã thực hiện.</p> <p>Các dự án/gói thầu nhà đầu tư đã thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá⁽¹⁰⁾.</p>
III	Các tiêu chí khác ⁽¹¹⁾	

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, bên mời thầu có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: lợi nhuận,...

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày có thời điểm đóng thầu tối đa 28 ngày.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo mẫu quy định tại hồ sơ mời thầu.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo mẫu quy định tại hồ sơ mời thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4), (5) Giá trị tài sản ròng và doanh thu bình quân hàng năm được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin theo mẫu quy định tại hồ sơ mời thầu và cung cấp bản sao công chứng các tài liệu về báo cáo tài chính, biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai, báo cáo kiểm toán (nếu có).

(6) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo mẫu quy định tại hồ sơ mời thầu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất.

Cách thức quy đổi các dự án: _____ [*Bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 bằng tối đa 0,5-0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ*].

(7), (8), (9) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(10) Nhà đầu tư phải cung cấp các biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đối với các dự án/gói thầu đã thực hiện.

(11) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện đặc thù, riêng biệt (nếu có) của dự án, bên mời thầu đưa ra các tiêu chí phù hợp khác nhưng phải bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch.